TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 06/2020/HS - ST
Ngày: 26/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Niên
2. Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST – HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2020/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ tên: PHẠM VĂN T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày ... tháng ... năm 1976 tại: Quảng Ngãi

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ba H - Ba X - Ba T - Quảng Ngãi

Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Phạm Văn T1 (đã chết) và bà: Phạm Thị X (đã chết);

Có vợ là: Phạm Thị T; và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2020 (có mặt).

2. Bị cáo thứ hai:

Họ tên: PHẠM VĂN TH; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày ... tháng ... năm 1980 tại: Quảng Ngãi

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Nước L - Ba X– Ba T – Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Phạm Văn Ng (đã chết) và bà: Phạm Thị R (đã chết);

Có vợ là: Phạm Thị D và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Bị cáo Phạm Văn Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2020 (có mặt).

3. Bị cáo thứ ba:

Họ tên: PHẠM VĂN Đ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày ... tháng ... năm 1986 tại: Quảng Ngãi

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Nước L - Ba X– Ba T – Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Phạm Văn D và bà: Phạm Thị Ng

Có vợ: Phạm Thị S và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Bị cáo Phạm Văn Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2020 (có mặt).

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Phạm Văn D1; Sinh năm: 1977.

+ Phạm Văn D2; Sinh năm: 1969.

+ Phạm Văn Tr; Sinh năm: 1967.

+ Đinh Văn X; Sinh năm: 1987.

+ Phạm Văn Đ1; Sinh năm: 1984.

+ Phạm Văn T2; Sinh năm: 1978.

+ Phạm Thị Th; Sinh năm: 1982.

+ Phạm Thị D1; Sinh năm: 1965.

+ Phạm Văn B; Sinh năm: 1999.

+ Phạm Văn Y; Sinh năm: 1977.

Cùng trú tại: xã Ba X, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Phạm Văn Đ2; Sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: xã Ba T, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ A D; Sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: xã P, huyện KonPlông, tỉnh Kon Tum

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:*

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thế V– Chủ tịch UBND xã H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch UBND xã H (có mặt).

- *Người phiên dịch:*

+ Ông A S - Phó Trưởng phòng VHTT huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2019, Phạm Văn T nảy sinh ý định phá rừng làm nương rẫy để trồng trọt và chăn nuôi. Do đó, Phạm Văn T thuê Phạm Văn Đ2, Phạm Văn Th, Phạm Văn D1, Phạm Văn D2, Phạm Văn Tr, Đinh Văn X, Phạm Văn Đ1 (đều trú tại xã Ba X, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi) và A D (trú tại thôn 2, xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) đi đến khu vực rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ thuộc Khoảnh 4 Tiểu khu 493 lâm phần do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Kon Plông quản lý, Phạm Văn T yêu cầu những người này phát những dây gai, bụi rậm, dây leo tại rừng để tạo điều kiện thuận lợi cho mục đích phá rừng trái pháp luật của Phạm Văn T. Các đối tượng trên thực hiện việc phát luỗng (phát cây bụi, dây leo) trong vòng 02 ngày thì trời mưa nên cùng nhau ra về. Đến ngày 27/9/2019, Phạm Văn T tiếp tục thuê Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn Y, Phạm Văn B, Phạm Thị Th, Phạm Thị D1 (đều trú tại: xã Ba X, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi) đi lên xã H, huyện Kon Plông để phát, phá rừng. Phạm Văn T chuẩn bị và mang theo 01 cưa máy, những người còn lại mang theo mỗi người một con dao rựa. Tại khu vực rừng thuộc Khoảnh 4 Tiểu khu 493, Phạm Văn T yêu cầu Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ dùng cưa máy để cắt hạ toàn bộ các cây gỗ còn lại trên diện tích T đã thuê phát luỗng trước đó. Những người còn lại gồm: Phạm Văn T2, Phạm Văn Y, Phạm Văn B, Phạm Thị Th, Phạm Thị D1 đi theo Phạm Văn T đến khu vực rừng thuộc Khoảnh 4 Tiểu khu 493, cách vị trí mà Th, Đ đang cưa cắt cây 500 mét về hướng Đông, mỗi người cầm 01 con dao rựa để phát, phá các cây bụi, dây leo dưới tán rừng. Đến khoảng 14 giờ ngày 27/9/2020, Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ cắt hạ toàn bộ các cây gỗ trên diện tích rừng theo yêu cầu của Phạm Văn T, rồi đi đến vị trí Phạm Văn T đang thuê người phát luỗng thì bị lực lượng tuần tra, truy quét liên

ngành thuộc Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kon Plông phát hiện. Các đối tượng T, Th, T2, Y, B và Th bỏ chạy khỏi hiện trường, Phạm Văn Đ và Phạm Thị D1 được tổ tuần tra mời về trụ sở UBND xã H làm việc, tạm giữ một số tang vật có liên quan. Sau đó, Phạm Văn T ra trình diện cơ quan công an và khai nhận toàn bộ hành vi phá rừng trái pháp luật của mình.

Ngày 02/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện cùng đại diện chính quyền xã H, Lâm trường M tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc và mở rộng hiện trường sang Khoảnh 3 Tiểu khu 495 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý thuộc xã H – Kon Plông – Kon Tum. Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 22/11/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận tổng diện tích rừng bị hủy hoại là: 31.231,1m^2. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ bị phá là 29.830,8 m^2, diện tích rừng sản xuất bị phá là 1.400,3 m^2.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông đã khởi tố vụ án số 21 ngày 23/10/2019.

Tại hiện trường vụ án, Phạm Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th và các đối tượng liên quan đã xác định vị trí mà Phạm Văn T đã thuê Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ dùng cưa cắt hạ toàn bộ những cây gỗ.

Tại Bản Kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum xác định diện tích rừng do Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ phá trái pháp luật có diện tích là 6.780,4 m^2 rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ; sản lượng gỗ trên diện tích 6.780,4 m^2 do Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ phá trái phép là 15,616 m^3 gỗ (từ nhóm III đến nhóm VIII); đối với thiệt hại về môi trường rừng không xác định được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận 15,616 m^3 gỗ nêu trên (từ nhóm III đến nhóm VIII) có giá trị là 42.301.400 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

01 máy cưa xăng, nhãn hiệu CARTON DS6500 đã qua sử dụng, màu đỏ trắng, lưỡi bằng kim loại dài 40cm có dây xích do Phạm Văn T chuẩn bị, sử dụng làm công cụ phạm tội. Vật chứng này hiện đang được Chi cục THADS huyện Kon Plông bảo quản.

Đối với 13 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn (được mô tả trong các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu), xác định đây là công cụ để các đối tượng thực hiện việc luỗng phát, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã tiến hành trao trả;

Đối với vật chứng của vụ án là 15,616 mét khối gỗ tại hiện trường, gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII, chủ yếu là gỗ nhóm VIII, việc mở đường 05km để thu gom gỗ là vật chứng tại rừng rất khó khăn, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của khu vực. Bên cạnh đó, giá trị gỗ thấp, giá thành thu gom vận chuyển cao, chênh lệch lớn; nếu thực hiện sẽ gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước. Do đó, Liên ngành Viện kiểm sát, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hạt kiểm lâm huyện đã thống nhất không tiến hành thu gom, để gỗ tự phân hủy tại hiện trường. Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đề nghị UBND huyện Kon Plông Th lập Hội đồng tiêu huỷ.

Sau khi xác định được diện tích, thiệt hại mà các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ chặt phá Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 23/6/2020.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 10/7/2020 đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện Kon Plông để xét xử sơ thẩm về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu luận tội: đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của các bị cáo, đại diện của nguyên đơn dân sự; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ phạm tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị các cáo như sau:

Phạm Văn T mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584, Điều 585 khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 42.301.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu CARTON DS6500 đã qua sử dụng, màu đỏ trắng, lưỡi bằng kim loại dài 40cm có dây xích.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm nội như nội dung bản cáo trạng cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã công bố.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị dùng nhục hình. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết luận định giá với số tiền 42.301.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thông báo cho các bị cáo về quyền được nhờ người bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, nhưng các bị cáo không yêu cầu.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ

vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2019, Phạm Văn T nảy sinh ý định phá rừng làm nương rẫy để trồng trọt và chăn nuôi. Do đó, Phạm Văn T thuê Phạm Văn Đ2, Phạm Văn Th, Phạm Văn D1, Phạm Văn D2, Phạm Văn Tr, Đinh Văn X, Phạm Văn Đ1 (đều trú tại xã Ba X, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi) và A D (trú tại thôn 2, xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) đi đến khu vực rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ thuộc Khoảnh 4 Tiểu khu 493 lâm phần do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Kon Plông quản lý, Phạm Văn T yêu cầu những người này phát những dây gai, bụi rậm, dây leo trong vòng 02 ngày thì trời mưa nên cùng nhau ra về.

Ngày 27/9/2019, tại khu vực rừng thuộc Khoảnh 4 Tiểu khu 493, Phạm Văn T yêu cầu Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ dùng cưa máy để cắt hạ toàn bộ các cây gỗ còn lại trên diện tích T đã thuê phát luỗng trước đó tạo thành khoảng đất trống gây thiệt hại 6.780,4m^2 rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ, thiệt hại lâm sản 15,616 m^3 gỗ (từ nhóm III đến nhóm VIII) có giá trị là 42.301.400 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Hủy hoại rừng"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất và mức độ thì hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái rừng. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì cần đất làm nương rẫy để trồng trọt và chăn nuôi nên cố ý thực hiện. Do vậy, cần xứ phạt các bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

- *Về đặc điểm nhân thân:* Các bị cáo có nhân tốt; không có tiền án, tiền sự;
- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;
- *Về tình tiết giảm nhẹ:* trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Về tính chất của mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Phạm Văn T là người chủ mưu đã thuê mướn Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ đi phá rừng nên cần xử phạt nghiêm minh để phòng ngừa chung.

Đối với Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ đều tiếp nhận ý chí theo sự thuê mướn của Phạm Văn T nên Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ đã dùng cưa máy cắt hạ cây rừng. Do đó Phạm Văn Th, Phạm Văn Đ đều có vai trò là người thực hành trong vụ án.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết luận định giá với số tiền 42.301.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Xét thấy thiệt hại nêu trên là do các bị cáo gây ra, lỗi thuộc về các bị cáo nên yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự (UBND xã H) số tiền 42.301.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Xét về mức độ lỗi thì bị cáo Phạm Văn T là người chủ mưu đóng vai trò chính trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường, bị cáo Phạm Văn Th, bị cáo Phạm Văn Đ đều là người thực hành có vai trò ngang nhau (là người làm thuê cho Phạm Văn T) do đó mức bồi thường của mỗi người ít hơn so với bị cáo Phạm Văn T. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T nhận bồi thường toàn bộ biệt hại nêu trên. Bị cáo Phạm Văn Th, bị cáo Phạm Văn Đ đều đồng ý để bị cáo Phạm Văn T bồi thường toàn bộ. Do đó, cần buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho nguyên đơn dân sự (UBND xã H) số tiền 42.301.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

01 máy cưa xăng, nhãn hiệu CARTON DS6500 đã qua sử dụng, màu đỏ trắng, lưỡi bằng kim loại dài 40cm có dây xích. Đây là công cụ mà các bị cáo dùng để cắt chặt phá cây rừng (dùng làm công cụ phạm tội) hiện tại máy cưa xăng có giá trị nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

Đối với 13 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn (được mô tả trong các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu), xác định đây là công cụ để các đối tượng thực hiện việc luỗng phát, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đã tiến hành trao trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đối với hành vi của Phạm Văn Đ2, Phạm Văn D1, Phạm Văn D2, Phạm Văn Tr, Đinh Văn X, Phạm Văn Đ1, A D được Phạm Văn T thuê dùng dao rựa phát luỗng những cây bụi, dây leo dưới tán rừng để sau đó Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ dùng cưa xăng cắt hạ những cây gỗ. Đây là những hành vi riêng biệt, không cùng thời điểm, các đối tượng không bàn bạc, thoả thuận trước khi thực hiện hành vi mà chỉ nghe theo sự phân công của Phạm Văn T, những người này không biết rõ mục đích của Phạm Văn T là gì. Bên cạnh đó, hành vi luỗng phát cây dưới tán rừng không phải là hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, không có căn cứ xử lý về tội Huỷ hoại rừng (với vai trò là những người giúp sức).

[9]. Đối với hành vi của Phạm Văn T2, Phạm Văn Y, Phạm Văn B, Phạm Thị Th, Phạm Thị D1 được Phạm Văn T thuê dùng dao rựa luỗng phát những cây gai, dây leo, bụi rậm dưới tán rừng với diện tích 2.642 mét vuông rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ tại Khoảnh 4 Tiểu khu 493 *(khoảnh riêng biệt cách khu vực các bị cáo hủy hoại là 500m, bị các cơ quan chức năng phát hiện kịp thời vào ngày 27/9/2019),* Theo công văn phúc đáp số 24/CCKL-TTPC ngày 10/02/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum thì hành vi trên chưa được cấu thành (không có hành vi vi phạm hành chính) theo quy quy định tại nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp; hơn nữa chỉ chặt cây gai, dây leo, bụi rậm mà không chặt phát cây rừng được xem là giải pháp kỹ thuật lâm sinh trong nuôi dưỡng cây rừng. Do đó không có cơ sở để xử lý Phạm Văn T2, Phạm Văn Y, Phạm Văn B, Phạm Thị Th, Phạm Thị D1 về hành vi phá rừng trái pháp luật.

[10]. Đối với UBND xã H là đơn vị được giao quản lý rừng đã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức nhiều đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng trên địa bàn. Đối với ông Đặng T – Kiểm lâm địa bàn xã H, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã tham mưu cho UBND xã về công tác quả lý bảo vệ rừng, trực tiếp phối hợp với các ban ngành của xã đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi phá rừng trái phép. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 360 Bộ luật hình sự.

[11]. Đối với diện tích 16.687,5m^2 rừng tự nhiên chức năng phòng hộ tại Tiểu khu 493 lâm phần do UBND xã H quản lý và 1.400,3m^2 rừng tự nhiên chức năng sản xuất tại Khoảnh 3 Tiểu khu 495 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KonPlông quản lý, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông chưa xác định được bị can nên đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[12]. Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nguồn thu nhập không ổn định, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ phạm tội *"Hủy hoại rừng"*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 16 *(mười sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 16 *(mười sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584, Điều 585 khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường số tiền 42.301.400 đồng cho nguyên đơn dân sự (UBND xã H) để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền nêu trên thì các bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:*

01 máy cưa xăng, nhãn hiệu CARTON DS6500 đã qua sử dụng, màu đỏ trắng, lưỡi bằng kim loại dài 40cm có dây xích.

4. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T;

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Văn Th và Phạm Văn Đ.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2020). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Xong

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.